

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MERUFA**

Số: 191.../24/CB-MRF

V/v CBTT Thư mời và tài liệu họp
DHDCĐ thường niên năm 2024



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Quý Cổ đông.

Công ty Cổ phần MERUFA

Trụ sở chính: Văn phòng số 38 Trương Quốc Dung, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

Địa chỉ liên lạc: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: MRF.

Điện thoại: (84.28) 3765.4160

Fax: (84.28) 3765.4161

Người thực hiện công bố thông tin: K' HUỆ

Địa chỉ: C64/II Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0349.775.503

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: *Thư mời họp và CBTT tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<http://www.merufa.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên)

K' HUỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy C6-II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84.28) 3765 4160 Fax: (+84.28) 3765 4161
Email: merufa@merufa.vn Web: <http://www.merufa.com.vn>
ISO 13485:2016 và ISO 9001:2015

Số: 198/24/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, do Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành, số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA, do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/11/2023;

Nay, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần MERUFA:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo thường niên năm 2023.

Điều 2: Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch năm 2024 cụ thể như sau: Doanh thu 133 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 7,0 tỷ đồng.

Điều 3: Hội đồng quản trị thông qua thư mời và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch 2024 của Ban kiểm soát.
3. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2023 (đã kiểm toán).
4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 của HĐQT; KH 2024 và định hướng phát triển
5. Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.
7. Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2023.
8. Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024.
9. Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo năm 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024.
10. Tờ trình về ngưng việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
11. Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan
12. Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2024
13. Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
14. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Điều 3: Hội đồng quản trị Tán thành với Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán và trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.

Điều 4: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc nếu có sai sót hoặc bổ sung về nội dung trong tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện cập nhật, điều chỉnh trình HĐQT xem xét phê duyệt và Công bố thông tin tài liệu theo quy định.

Điều 5: HĐQT đề nghị Công ty thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan và công bố thông tin theo quy định. Các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng/ban và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Ban TGD, P.TV;
- Công bố Thông tin;
- Lưu thư ký HĐQT.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, P.8, Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
FAC: C64/II, đường số 8 - KCN Vĩnh Lộc - Bình Chánh - HCM
MST: 0300478598

Tel: (84-28).3765 4160 - Fax: (84-28).3765 4161

Website: www.merufa.com.vn – Email: merufa@merufa.vn



THƯ MỜI

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
NĂM 2024**

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Thủ tục Đăng ký dự Đại hội:

Các cổ đông **đến dự họp** xin điền vào mẫu “**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ ĐHĐCĐ**” gửi kèm theo thư mời hoặc tải về trên website Công ty và gửi lại cho Công ty bằng email/ Fax/ hoặc gửi thư cho Công ty theo địa chỉ Nhà máy.

Các cổ đông **không thể đến dự họp**, xin điền vào mẫu “**GIẤY ỦY QUYỀN DỰ ĐHĐCĐ**” gửi kèm theo thư mời hoặc tải về trên website Công ty và gửi lại Công ty bằng email/Fax/ hoặc gửi thư cho Công ty theo địa chỉ ở Nhà máy.

Thời gian gửi “**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ ĐHĐCĐ**” hoặc “**GIẤY ỦY QUYỀN DỰ ĐHĐCĐ**” đến Công ty chậm nhất là **16 giờ 00** ngày **19/04/2024**.

Ghi chú:

- Mọi thắc mắc, xin Quý vị Cổ đông liên hệ: Phòng Tổ chức - Hành chính (SDT: 028.37654160, Email: merufa@merufa.vn).
- Khi đến dự Đại hội, đề nghị các cổ đông mang theo Thư mời và Giấy CMND, giấy ủy quyền (nếu có).
- Cổ đông tìm hiểu các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông xin truy cập vào địa chỉ website: <http://www.merufa.com.vn> để xem nội dung chi tiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA



Trân trọng kính mời

Quý Cổ đông Công ty Cổ phần MERUFA

Đến dự:

Cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024 Của Công ty Cổ phần MERUFA

Thời gian: vào lúc 8 giờ 00, thứ Bảy ngày 20/04/2024

Địa điểm: Văn phòng Nhà máy Công ty Cổ phần Merufa
Lô C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A,
Huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Thành phần tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu từ 01 CP trở lên có quyền biểu quyết hoặc đại diện sở hữu từ 01 CP trở lên, theo danh sách cổ đông được Công ty chốt vào ngày 22/03/2024.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội.

Rất mong Quý cổ đông thu xếp tham dự Đại hội.

Trân trọng!



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI



SINCE 1987

THỜI
GIAN

NỘI DUNG

8 ^h 00 - 8 ^h 30	A. Đón khách và đăng ký Cổ đông
8h30 - 8h40	B. Thủ tục bắt đầu khai mạc Đại hội: 1. Khai mạc, giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký
8 ^h 40 - 8 ^h 50	C. Thông qua chương trình Đại hội. (Biểu quyết) Độc quy chế tổ chức ĐHĐCĐ Merufa; xin ý kiến và biểu quyết thông qua
8 ^h 50 - 9 ^h 30	D. Trình bày và xin ý kiến cổ đông các vấn đề sau: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024. 2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và KH 2024 của Ban kiểm soát. 3. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2023 (đã kiểm toán). 4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 của HĐQT; KH 2024 và định hướng phát triển 5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
9 ^h 30-10 ^h 00	Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo HĐQT, báo cáo Ban TGD, báo cáo Ban kiểm soát.
10 ^h 00-10 ^h 10	Giải lao
10 ^h 10-10 ^h 40	E. Thông qua các Tờ trình bao gồm: 1. Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT. 2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán. 3. Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2023. 4. Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024. 5. Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024. 6. Tờ trình về ngưng chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX 7. Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan 8. Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2024
10 ^h 40-11 ^h 00	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
11 ^h 00	Bế mạc Đại hội./.



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI (dự kiến)



THỜI GIAN

NỘI DUNG

8 ^h 00 - 8 ^h 30	A. Đón khách và đăng ký Cổ đông
8 ^h 30 - 8 ^h 40	B. Thủ tục bắt đầu khai mạc Đại hội: 1. Khai mạc, giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký
8 ^h 40 - 8 ^h 50	C. Thông qua chương trình Đại hội. (Biểu quyết) Đọc quy chế tổ chức ĐHĐCĐ Merufa; xin ý kiến và biểu quyết thông qua
8 ^h 50 - 9 ^h 30	D. Trình bày và xin ý kiến cổ đông các vấn đề sau: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024. 2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và KH 2024 của Ban kiểm soát. 3. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2023 (đã kiểm toán). 4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 của HĐQT; KH 2024 và định hướng phát triển 5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
9 ^h 30-10 ^h 00	Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo HĐQT, báo cáo Ban TGD, báo cáo Ban kiểm soát.
10 ^h 00-10 ^h 10	Giải lao
10 ^h 10-10 ^h 40	E. Thông qua các Tờ trình bao gồm: 1. Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT. 2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán. 3. Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2023. 4. Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024. 5. Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024. 6. Tờ trình về ngưng việc chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX 7. Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan 8. Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2024
10 ^h 40-11 ^h 00	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
11 ^h 00	Bế mạc Đại hội./.

(MẶT TRƯỚC)

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
MST: 0300478598



PHIẾU/THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024_HỌP NGÀY 20/04/2024

MSCĐ: 0001 HỌ VÀ TÊN:

SỐ CP SỞ HỮU:

10.000

SỐ CP NHẬN ỦY QUYỀN

5.000

TỔNG SỐ CP CÓ QUYỀN BIỂU

15.000

CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÔ ĐÔNG:.....

(MẶT SAU)

MSCĐ: 0001 SỐ CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT: 15.000

Chú ý: Cổ đông đã giao Phiếu biểu quyết nội dung nào thì đánh dấu X vào ô tương ứng.

Nếu một (01) trong các nội dung không đánh dấu X; hoặc đánh 2 dấu X; đánh 3 dấu X thì việc biểu quyết nội dung đó là không hợp lệ.

SỐ TT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1.	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024.			
2.	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và KH 2024 của Ban kiểm soát.			
3.	Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2023 (đã kiểm toán).			
4.	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 của HĐQT; KH 2024 và định hướng phát triển			
5.	Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX			
6.	Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT			
7.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.			
8.	Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023.			
9.	Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024.			
10.	Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024.			
11.	Tờ trình về ngưng việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX			
12.	Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan			
13.	Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2024			
14.	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.			
15.	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.			

Sau khi ghi phiếu xong xin vui lòng nộp cho BAN KIỂM PHIẾU.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng..... năm 2024

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2024



SINCE 1987

Kính gửi: Công ty cổ phần MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

Nhà máy: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, H.Bình Chánh, TP.HCM

Website: www.merufa.com.vn ; **Email:** merufa@merufa.vn

MST: 0300478598

ĐT: (028) 37654160

Fax: (028)37654161

Tên cổ đông:.....

Đại diện cho pháp nhân (nếu có).....

Số CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

Mã số CD:..... Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):.....cổ phần

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA, tôi đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2024 được tổ chức vào ngày 20/04/2024.

Trân trọng./.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu [đối với pháp nhân])



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng..... năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần MERUFA năm 2024

Kính gửi: Công ty cổ phần MERUFA

Địa chỉ: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, H.Bình Chánh, TP.HCM

MST: 0300478598

ĐT: (028) 37654160

Fax: (028) 37654161

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:.....

Đại diện cho pháp nhân (nếu có):.....

Số CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

Mã số CD:..... Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần.

2. Bên được ủy quyền:

Họ và tên (Ông/Bà):.....

Số CCCD/CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

- Ủy quyền cho Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Merufa:

- | | |
|--|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Vũ Văn Minh | - Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Lưu Tiến Cáo | - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| <input type="checkbox"/> Ông Vũ Chinh | - Thành viên HĐQT độc lập |
| <input type="checkbox"/> Ông Hoàng Minh Dũng | - Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Bùi Minh Tuấn | - Thành viên HĐQT |

Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền thay mặt cho bên ủy quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Cổ đông theo quy định trong Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2024 được tổ chức vào ngày 20/04/2024.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu [đối với pháp nhân])



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: *102*/TT-DHDCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo của HĐQT”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: Báo cáo của HĐQT năm 2023; KH 2024 và định hướng phát triển.

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

Số: 199/24/BC-HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
 Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
 Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
 Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
 ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MERUFA

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP MERUFA

Theo Luật Doanh nghiệp, thì hàng năm Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thương niên tối thiểu một số vấn đề sau: Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác; Các kế hoạch trong tương lai; Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị... Nay HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông 2024 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

1- Kết quả hoạt động SXKD trong năm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Tổng giá trị tài sản	142.683	115.264	80,8	
2 - Doanh thu thuần	202.308	139.452	68,9	
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.859	7.926	50,0	
4 - Lợi nhuận khác	271	- 909	-335,4	
5 - Lợi nhuận trước thuế	16.130	7.017	43,5	
6 - Lợi nhuận sau thuế	12.666	5.408	42,7	
7 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87%	-	-	

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

2.1 Đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4:3	6
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	10.620	7.000	1.920	27,4	
1 - XDCB	0	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	10.620	7.000	1.920	27,4	

2.2 Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần SAM holdings (SAM): Tính đến 31/12/2023 Công ty có 73.578 cổ phần, giá gốc 196,8 triệu đồng, giá đóng cửa ngày 31/12/2023: 6.560 đồng/cổ phiếu;

3 - Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Công ty

- Công ty hoạt động theo đúng nội dung của “Giấy đăng ký kinh doanh”, chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh.
- Giám sát chặt chẽ Công ty, đảm bảo hoạt động theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và những quyết định của Hội đồng quản trị về doanh thu, lợi nhuận... kết quả năm 2023 vẫn có lãi nhưng không đạt chỉ tiêu Kế hoạch; Giám sát tình hình đầu tư XDCB và mua sắm máy móc thiết bị;
- Giữ được thị trường găng tay, nút chai và condom, cố gắng ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, thực hiện các chính sách đối với người lao động.
- Công tác tổ chức quản lý đã được củng cố nên năng lực quản trị và hiệu quả công việc được cải thiện. Kiên quyết thay đổi đối với những cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ thuế, BHXH... đối với nhà nước, thực hiện tốt chính sách xã hội (nuôi dưỡng thương binh...);
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, PCCC, giữ vững an ninh trật tự và vệ sinh môi trường v.v... Thông qua việc giao nhiệm vụ và kiểm tra thường xuyên. Đặc biệt đã thực hiện tốt 5S-Kaizen; thực hiện “chuyển đổi số” đạt kết quả.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2021- 2026)	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	24/4/2021	5/5	100%	
2	Ông Lưu Tiến Cào	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
4	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
5	Ông Vũ Chính	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm, HĐQT bám sát hoạt động của Công ty, của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT có mặt ở công ty khá thường xuyên để kiểm tra và giải quyết một số vướng mắc. Ban TGD có sự phân công nhiệm vụ và có sự hỗ trợ giúp đỡ nhau, HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD bám sát sản xuất, kịp thời đề ra những biện pháp về tổ chức, quản lý cũng như những giải pháp kỹ thuật, cải tiến công nghệ... nên SXKD đã duy trì được mức lãi hợp lý (*so sánh cùng kỳ có một số Công ty SX găng bị lỗ hoặc dừng hoạt động, bán thanh lý máy*).

III. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được qui định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, trong đó có việc đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp với từng thời kỳ phát triển của công ty, kịp thời thông qua các Nghị quyết để Công ty giải quyết những khó khăn, để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đạt mức cao nhất có thể.

Trong năm Hội đồng quản trị họp 05 lần có ghi Biên bản và có ra Nghị quyết về nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, không kể các buổi họp chuyên đề về một số nội dung cụ thể, có 1-2 thành viên HĐQT tham dự;

IV. LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT được hưởng các khoản phụ cấp hàng tháng năm 2023 như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp HDQT	Thưởng 2022	Cộng	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	0	144.000.000	15.000.000	159.000.000	
2	Ông Lưu Tiến Cào	Thành viên	0	81.000.000	15.000.000	96.000.000	
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	0	81.000.000	15.000.000	96.000.000	
4	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	0	81.000.000	15.000.000	96.000.000	
5	Ông Vũ Chính	Thành viên	0	81.000.000	15.000.000	96.000.000	

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2024:

1 - Các chỉ tiêu KH SXKD

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Doanh thu thuần	139.452	133.000	95,37%	HDQT chưa chấp nhận và DHDCD chưa thông qua KH 2024
2 - Lợi nhuận trước thuế	7.017	7.000	99,75%	
3 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	12	7		Thực hiện năm 2023 là 12% theo VDL cũ, Kế hoạch năm 2024 là 7% theo VDL mới

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	KH 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	7.000	1.920	4.100	
1 - XDCB	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	7.000	1.920	4.100	

3 - Các giải pháp thực hiện kế hoạch: Tình hình kinh tế xã hội thị trường trong và ngoài nước năm 2024 tiếp tục diễn biến khó lường, có nhiều khó khăn, nhưng cũng có những thuận lợi, để thực hiện chiến lược, mục tiêu cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng pháp luật Nhà nước. Công ty phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm, với các giải pháp về bán hàng và marketing (giữ vững thị trường trong nước và chú ý duy trì xuất khẩu), về tổ chức quản lý sản xuất, về tài chính... Với những kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể, có kiểm soát, kiểm điểm tổng kết đánh giá, khuyến khích sáng kiến, đổi mới sáng tạo, gắn liền lương thu nhập với kết quả thực hiện nhiệm vụ, cải tiến công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ở mức cao; công tác quản lý phải cải thiện và nâng cao, gắn với sự phát triển của công nghệ số... Tiếp tục thực hiện được chỉ tiêu đầu tư mua sắm thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất.

Ngoài những giải pháp chủ yếu trên đây, trong từng tháng, quý căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty HDQT có những giải pháp cụ thể. Hội đồng quản trị mong nhận được những ý kiến góp ý của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MERUFAC
Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 03.. /24 /TTr- BKS

Tp.Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

"V/V Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát"

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty CP MERUFA**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2023/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Thông tư số 116/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần MERUFA, kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2023; Kế hoạch năm 2024.
2. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- HĐQT.
- Lưu BKS, VT.



BÁO CÁO**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2009/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty Cổ Phần Merufa;

Căn cứ và tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty niên độ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY- CN tại TP.HCM

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2023**1. Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đơn vị tính: Triệu VND

Nội dung	Kế hoạch 2023	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023/ KH2023	Năm 2023/ TH2022
1	2	3	4	5	6
Tổng doanh thu	170.000	139.476	202.308	82%	68.9%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện	12.500	7.017	16.130	56.1%	43.5%%
Lợi nhuận sau thuế	10.000	5.407	12.665	54.1%	42.7%
Lãi cơ bản trên CP(EPS)	2.721	796	3.446	29.2 %	23.1%
Cổ tức	30%	30% bằng tiền, 15% bằng cp và 70% tăng vốn từ nguồn VCSH	30%		

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 là 139.476 triệu đồng, đạt 82 % so với kế hoạch và đạt 68.9 % so với cùng kỳ năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế thực năm 2023 là 7.017 triệu đồng, đạt 56.1 % so với kế hoạch, đạt 43.5 % so với cùng kỳ năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 là 5.407 triệu đồng, đạt 54.1 % so với kế hoạch năm 2023, đạt 42.7 % so với cùng kỳ năm 2022.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2023 là 796 đồng, năm 2022 là 3.446 đồng, giảm 2.650 đồng, tương đương 23.1 % so với năm 2022

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tóm tắt)

Tại ngày 31/12/2023

DANH MỤC	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2022	Chênh lệch	
			Giá trị	tỷ lệ
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	76,901	97,233	-20,332	-20.9%
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,703	8,596	-4,894	-56.9%
Các khoản phải thu ngắn hạn	36,099	35,022	1,076	3.1%
Hàng tồn kho	35,672	50,631	-14,959	-29.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1,428	2,984	-1,555	-52.1%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	38,363	45,451	-7,088	-15.6%
Tài sản cố định	35,634	40,501	-4,867	-12.0%
Tài sản dở dang dài hạn	217	1,062	-845	-79.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	197	197	0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2,277	3,425	-1,147	-33.5%
TỔNG TÀI SẢN	115,264	142,683	-27,420	-19.2%
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	28,695	49,436	-20,741	-42.0%
Nợ ngắn hạn	28,683	42,754	-14,072	-32.9%
Nợ dài hạn	12	6,681	-6,669	-99.8%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	86,569	93,248	-6,679	-7.2%
Vốn góp của chủ sở hữu	67,962	36,754	31,208	84.9%
TỔNG NGUỒN VỐN	115,264	142,683	-27,420	-19.2%

3. Một số chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.68	2.27	0.41
2	Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	0.25	0.35	-0.10
3	Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.33	0.53	-0.20
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	4.7%	8.9%	-0.04
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	3.9%	6.3 %	-0.02
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	6.3%	13.6 %	-0.07
7	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (VNĐ)	12.733	25.371	(12,638)

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 là 2.68 cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty được đảm bảo. Hệ số thanh toán ngắn hạn 2023 của Công ty cao hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 0.41

- Qua các hệ số nợ cho thấy tình hình nợ của Công ty là tương đối đảm bảo, an toàn so với tổng tài sản: tỷ lệ nợ trên tổng tài sản là 0.25 và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 0.33.

- Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA) năm 2023 là 4.7% giảm 4.2% so với cùng kỳ năm 2022 là 8.9%

- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS) năm 2023 là 3.9%, giảm 2.4% so với cùng kỳ năm 2022 (6.3 %).

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2023 là 6.3%, giảm 7.3% so với cùng kỳ năm 2022 13.6%.

- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu năm 2023 là 12.733 đồng/cp, năm 2022 là 25.371 đồng, giảm 12.638 đồng mỗi cổ phiếu.

II. Kết quả các hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đảm bảo chế độ họp định kỳ theo đúng quy định và các cuộc họp đột xuất khi có nhu cầu, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và ban hành các Nghị quyết theo đúng thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Đối với các hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành đã có một số giải pháp để tăng hiệu quả như: giảm chi phí vận hành và giá thành, nghiên cứu đổi mới công nghệ, kiêm nhiệm, ... nhưng do tình hình chung của thị trường, kết quả chưa như mong đợi.

- Đã giải quyết một phần hàng tồn kho, công nợ khó đòi.

- Đã bám sát theo tình hình thực tế và dù bối cảnh thay đổi liên tục trong 2023, Công ty vẫn có lợi nhuận.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.

- Trong năm 2023 Công ty đã hoàn thành chia cổ tức theo NQ ĐHCĐ năm 2023 như sau:

+ 30% tiền mặt cổ tức năm 2022 chia làm 2 đợt và được chi trả vào các ngày: (07/4/2023: 10% và 12/6/2023 : 20%)

+ Hoàn thành việc chia cổ tức 15% bằng cổ phiếu năm 2022 và 70% cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2023. Cổ phiếu trên đã được chấp nhận giao dịch kể từ ngày 11/12/2023.

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.

- Trong năm 2023 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

- Công ty đã hoàn thành đổi giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 vào ngày 10/01/2024.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2023

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Bám sát với NQ ĐHCĐ năm 2023, Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2023 là 209.600.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền thù lao năm 2023 (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban	96.000.000	
2	Lê Minh Tuấn	Thành viên	56.800.000	
3	Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên	56.800.000	
	Tổng cộng		209.600.000	

Trên đây là Báo cáo của năm 2023 Ban kiểm soát.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu VT.



BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: -Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, do Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành, số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA, do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/11/2023;

Kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

STT No.	Kỳ họp	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate	Tình hình thực hiện The implementation
1	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	155/NQ- ĐHĐCĐ	22/04/2023	<p>Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm:</p> <p>1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Giám Đốc;</p> <p>1.2. Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;</p> <p>1.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023;</p> <p>1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, trong đó Doanh thu là: 170 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 12,5 tỷ đồng);</p> <p>1.5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.</p> <p>1.6. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn thặng dư và quỹ phát triển sản xuất của Chủ sở hữu và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.</p> <p>Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội bao gồm:</p> <p>2.1. Tờ trình thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban TGĐ;</p> <p>2.2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán;</p> <p>2.3. Tờ trình phân phối lợi nhuận 2022: chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 30% bằng tiền</p>	100%	<p>Điều 1: Điểm 1.1 Kết quả thực hiện năm 2023 doanh thu đạt hơn 139,5 tỷ đồng, đạt 81%/Kế hoạch năm và 68,9% so với cùng kỳ năm 2021, lợi nhuận trước thuế đạt 7,01 tỷ đồng, đạt 56,1 % Kế hoạch năm, 43,5 % so với cùng kỳ;</p> <p>Điểm 1.2, 1.3 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.</p> <p>Điểm 1.4 xem điểm 1.1</p> <p>Điểm 1.5 Đã thực hiện việc hát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu 70%. Riêng chuyển sản từ Upcom sang HNX chưa thực hiện (HĐQT đề nghị tạm ngưng tại NQ số 189/24/NQ-HĐQT ngày 16/01/2024).</p> <p>Điều 2: Điểm 2.1 và 2.2 đã thông qua.</p> <p>Điểm 2.3 Công ty đã chia cổ tức 30% bằng tiền mặt theo NQ</p>

mặt, 15% bằng cổ phiếu.

ĐHĐCĐ 2023.

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	20,398,305,582	20,398,305,582
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	7,732,316,307	7,732,316,307
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	12,665,989,275	12,665,989,275
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) (Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 24.449.195.500 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 đồng)	-	-
III	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	5,507,406,000
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (I-II-III)	14,890,899,582	14,890,899,582
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	13,695,173,925	13,695,173,925
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	2,680,361,925	2,680,361,925
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (15% x LNST)	2,233,634,937	2,233,634,937
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	-
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (3% x LNST)	446,726,987	446,726,987
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	-
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2022 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (IV-V)	1,195,725,657	1,195,725,657

2.4. Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023 (trong đó cổ tức (20%



x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022);

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	11,176,093,657	11,176,093,657
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCĐKT)	1,195,725,657	1,195,725,657
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCĐKT)	9,980,368,000	9,980,368,000
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	9,243,143,922	9,243,143,922
1	Chi cô tức năm 2023 (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022) [36.716.040.000 x 20%]	7,343,208,000	7,343,208,000
2	Trích lập các quỹ:	1,899,935,922	1,899,935,922
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (10% x LNST)	1,117,609,366	1,117,609,366
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (2% x LNST)	223,521,873	223,521,873
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (5% x LNST)	558,804,683	558,804,683
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	-
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,932,949,736	1,932,949,736

2.5. Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023;

2.6. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc “lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023”. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện.

Điều 3: Thông qua Tờ trình số 149/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%).

Điều 4: Thông qua tờ trình số 150/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.

Điều 5: Thông qua tờ trình số 151/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vốn điều lệ công ty sau khi thay đổi: 36.754.040.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

Điều 2.5 đã thông qua.
Điều 2.6 Công ty đã ký hợp đồng với Cty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY - CN tại TPHCM ngày 29/06/2023.

Điều 3: Đã thực hiện xong.
Điều 4: Chưa thực hiện chuyển sàn từ Upcom sang HNX (HĐQT đề nghị tạm ngưng tại NQ số 189/24/NQ-HĐQT ngày 16/01/2024).

Điều 5: Đã thực hiện xong việc điều chỉnh giấy ĐKKD lần thứ 9 ngày 03/10/2023, lần thứ



			<p>Điều 6: Thông qua tờ trình số 152/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan.</p> <p>Điều 7: Thông qua Tờ trình số 142/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 thông qua Báo cáo chia thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022.</p> <p>Điều 8: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chi đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.</p> <p>Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>	<p>10 ngày 12/10/2023 và lần thứ 11 vào ngày 10/01/2024 (Tăng vốn điều lệ từ 36.754.040.000 đồng lên 67.961.720.000 đồng.</p> <p>Điều 6, Điều 7, Điều 8 đã thực hiện.</p>
--	--	--	--	---

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.
Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu Thư ký.

TPHCM ngày 20 tháng 03 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MERUFA
 Ks. Vũ Văn Minh





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/III, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84-28).3765.4160 - Fax: (+84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: ~~100~~.../24/BC-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

(V/v Báo cáo tình hình trả cổ tức bằng cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu và chuyển sàn từ Upcom sang sàn HNX)

Kính gửi: - Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Merufa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Merufa;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 155/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo về tình hình trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu và chuyển sàn từ Upcom sang sàn HNX như sau:

I. THỰC HIỆN TRẢ CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU VÀ CỔ PHIẾU THƯỜNG

Việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu đã được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung theo Quyết định số 1296/QĐ-SGDHN ngày 11/12/2023, thông báo về ngày giao dịch đầu tiên số 5394/TB-SGDHN ngày 15/12/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 162/2017/GCNCV-VSDC-1 ngày 01/12/2023, cụ thể như sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: MRF
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch bổ sung: 3.120.768 cổ phiếu
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch bổ sung: 31.207.680.000 đồng
- Ngày quyết định chấp thuận thay đổi ĐKGD có hiệu lực: 13/12/2023
- Ngày giao dịch bổ sung: 22/12/2023.

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	36.754.040.000	+ 31.207.680.000	67.961.720.000
2	Tổng số cổ phiếu	3.675.404	+ 3.120.768	6.796.172
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	3.800	+ 0	3.800
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	3.671.604	+ 3.120.768	6.792.372

Đến ngày 22/12/2023, MERUFA đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu. Ngày 10/01/2024 Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 với số vốn điều lệ là 67.961.720.000 đồng.

II. CHUYỂN SÀN

Trong năm 2023, Công ty chưa thực hiện được việc chuyển sàn.

Lý do: Ngày 22/12/2023 mới hoàn tất việc tăng vốn do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn của Chủ sở hữu.

Kiến nghị: Sau khi xem xét tại cuộc họp HĐQT lần thứ 17, Nhiệm kỳ V (2021-2026) số 189/24/NQ-HĐQT ngày 16/01/2024, HĐQT đề nghị được ngưng việc chuyển sàn từ sàn Upcom sang sàn HNX.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





SINCE 1987

Số: 203.../24/TT-ĐHDCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

*“Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2023
đã kiểm toán”*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Nội dung toàn bộ Báo cáo quyết toán tài chính 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán (kèm theo tờ trình này).

Kết quả kinh doanh là:

+ Doanh thu thuần năm 2023:	139.476.627.254 đồng;
+ Lợi nhuận kế toán trước thuế:	7.017.174.260 đồng;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

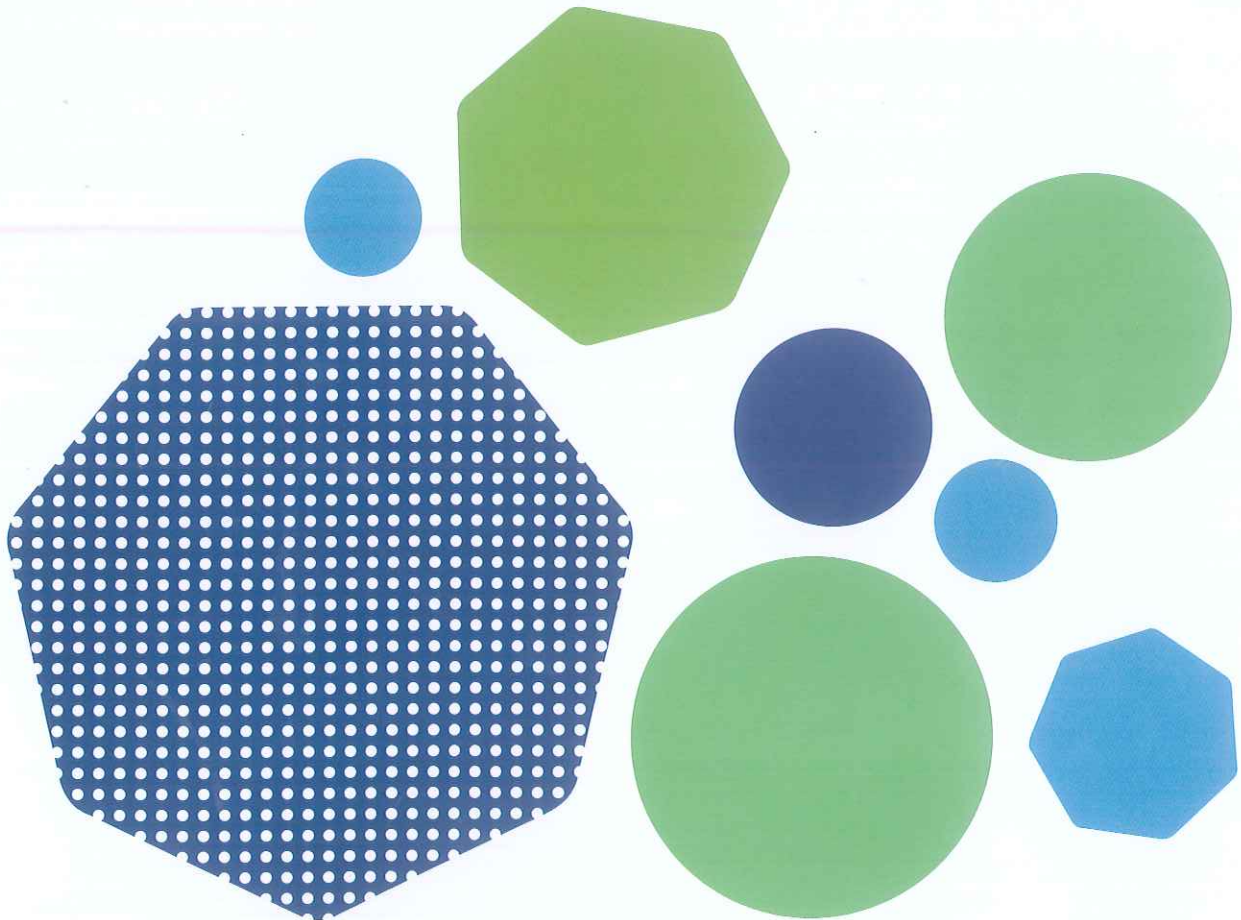
Công Ty
Cổ Phần
Merufa

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Merufa
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=Công Ty Cổ
Phần Merufa, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0300478596
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.03.21 10:05:40+0700
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

PDF

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ trang 07 đến trang 42.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 10/01/2024.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 11/12/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 1296/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch bổ sung do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.120.768 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty là 6.796.172 cổ phiếu tương đương giá trị 67.961.720.000 đồng. Ngày giao dịch đầu tiên của số lượng cổ phiếu tăng thêm 3.120.768 cổ phiếu trên sàn UPCoM là từ ngày 22/12/2023.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh); Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch
Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên
Ông Vũ Chinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Tiến Cáo	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Lê Vĩnh San San.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lưu Tiến Cảo - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Tiến Cao

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Số: 21/2024/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Merufa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, trình bày từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Merufa tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.901.363.196	97.232.924.158
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.702.785.362	8.596.321.987
Tiền	111		3.702.785.362	8.596.321.987
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.098.732.177	35.022.297.734
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.207.199.852	35.544.273.673
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.953.504.251	1.010.457.286
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	15.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	584.740.710	243.667.323
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6, 7, 9	(1.673.974.662)	(1.776.100.548)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.262.026	-
Hàng tồn kho	140	10	35.671.528.788	50.630.701.986
Hàng tồn kho	141		44.054.886.760	58.780.117.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.383.357.972)	(8.149.415.775)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.428.316.869	2.983.602.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	106.276.533	46.451.612
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.322.040.336	2.937.150.839
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.362.534.201	45.450.516.083
Các khoản phải thu dài hạn	210		38.000.000	266.486.794
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	29.000.000	15.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	9.000.000	251.486.794
Tài sản cố định	220		35.633.643.626	40.500.837.549
Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.360.584.959	23.590.307.986
- Nguyên giá	222		80.426.596.457	78.585.520.898
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.066.011.498)	(54.995.212.912)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	6.121.146.507	7.374.623.607
- Nguyên giá	225		8.774.339.702	8.774.339.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.653.193.195)	(1.399.716.095)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.151.912.160	9.535.905.956
- Nguyên giá	228		13.268.647.658	13.268.647.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.116.735.498)	(3.732.741.702)
Tài sản dở dang dài hạn	240		216.663.585	1.061.586.431
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	216.663.585	1.061.586.431
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	196.800.000	196.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.800.000	196.800.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.277.426.990	3.424.805.309
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.277.426.990	3.424.805.309
TỔNG TÀI SẢN	270		115.263.897.397	142.683.440.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		28.694.624.764	49.435.569.885
Nợ ngắn hạn	310		28.682.624.764	42.754.260.608
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.931.763.851	3.948.999.625
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	1.399.887.573	140.729.143
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	628.378.562	980.701.030
Phải trả người lao động	314		3.210.852.410	3.926.221.582
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.262.426.414	2.467.731.979
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		395.820.000	794.256.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.309.910.323	958.714.299
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	13.691.186.283	26.495.498.329
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.852.399.348	3.041.408.621
Nợ dài hạn	330		12.000.000	6.681.309.277
Phải trả dài hạn khác	337	18	12.000.000	252.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	-	6.429.309.277
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.569.272.633	93.247.870.356
Vốn chủ sở hữu	410	23	86.534.939.844	93.213.537.567
Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.961.720.000	36.754.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.961.720.000	36.754.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.252.024.500
Cổ phiếu quỹ	415		(38.000.000)	(38.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.832.981.790	33.047.602.353
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.177.639.355	1.799.565.132
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.600.598.699	20.398.305.582
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.192.874.515	7.732.316.307
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.407.724.184	12.665.989.275
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.332.789	34.332.789
Nguồn kinh phí	431		34.332.789	34.332.789
TỔNG NGUỒN VỐN	440		115.263.897.397	142.683.440.241

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Vinh San San

Kế toán trưởng

Lê Vinh San San

Tổng Giám đốc



Lưu Tiến Cao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	139.476.627.254	202.308.642.965
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	23.982.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	139.452.645.254	202.308.642.965
Giá vốn hàng bán	11	26	114.077.906.435	163.173.819.522
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.374.738.819	39.134.823.443
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5.060.010	227.337.084
Chi phí tài chính	22	28	1.999.053.827	2.991.799.349
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.985.426.427	2.939.285.728
Chi phí bán hàng	25	29	5.857.399.473	7.491.238.184
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	9.597.058.602	13.020.028.040
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.926.286.927	15.859.094.954
Thu nhập khác	31	30	113.579.509	1.504.780.775
Chi phí khác	32	31	1.022.692.176	1.233.667.297
Lợi nhuận khác	40		(909.112.667)	271.113.478
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.017.174.260	16.130.208.432
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.609.450.076	3.464.219.157
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.407.724.184	12.665.989.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	796	1.865
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	796	1.865

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Vinh San San

Lê Vinh San San

Lưu Tiến Cảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	153.922.067.310	206.799.438.851
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(94.082.727.174)	(133.216.874.833)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.866.568.434)	(31.290.820.671)
Tiền lãi vay đã trả	04	(2.005.949.539)	(2.962.810.274)
Thuế TNDN đã nộp	05	(1.671.460.840)	(5.146.657.186)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	257.980.380	546.801.438
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.303.373.263)	(10.043.625.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.249.968.440	24.685.452.069
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.235.464.547)	(2.447.683.622)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	680.909.091
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(101.000.000)	(25.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	72.000.000	53.500.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.865.161	64.612.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.260.599.386)	(1.673.661.825)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	84.497.591.175	101.244.168.835
Tiền trả nợ gốc vay	34	(101.625.370.970)	(110.170.256.994)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.105.841.528)	(2.105.841.528)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.650.479.205)	(10.716.028.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.884.100.528)	(21.747.957.887)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.894.731.474)	1.263.832.357
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.596.321.987	7.323.331.310
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.194.849	9.158.320
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.702.785.362	8.596.321.987

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Vinh San San

Kế toán trưởng

Lê Vinh San San

Tổng Giám đốc



Lưu Tiên Cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 10/01/2024.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký DN lần thứ 11 là 67.961.720.000 đồng, được chia thành 6.796.172 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 11/12/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 1296/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch bổ sung do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.120.768 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty là 6.796.172 cổ phiếu tương đương giá trị 67.961.720.000 đồng. Ngày giao dịch đầu tiên của số lượng cổ phiếu tăng thêm 3.120.768 cổ phiếu trên sàn UPCoM là từ ngày 22/12/2023.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 189/24/NQ-HĐQT ngày 16/01/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đề nghị tạm ngưng việc chuyển sàn Upcom sang sàn HNX và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 thông qua trong cuối tháng 04/2024.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2023 là 161 người (tại 01/01/2023 là 175 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;
- Dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất găng tay y tế, bao cao su và các dụng cụ y tế bằng cao su khác. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là ngắn ngày và quay vòng liên tục nhiều lần trong năm.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là các sản phẩm cao su dùng trong y tế. Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp dụng cụ y tế bằng cao su. Theo đó, giá thị trường của các sản phẩm này biến động sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như là số lượng khách hàng, ngoài ra các chính sách chương trình khuyến mãi về giá, chính sách giá và việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Phần mềm quản lý	03 - 05

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

4.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

4.9 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11. GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, có một nhà máy duy nhất tổ chức sản xuất tại: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội chủ yếu phục vụ phát triển thị trường, giới thiệu sản phẩm do đó Công ty không trình bày các thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực và lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh bên dưới.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	378.271.549	116.935.119
Tiền gửi ngân hàng	3.324.513.813	8.479.386.868
Cộng	3.702.785.362	8.596.321.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	28.207.199.852	(1.617.082.662)	35.544.273.673	(1.719.208.548)
- Bệnh viện Quân Y 175/BQP	423.303.874	-	310.807.500	-
- Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	731.996.900	-	1.640.195.800	-
- Công ty TNHH Trang Thiết bị Y tế Đức Ân	238.075.323	-	706.378.000	-
- Bệnh viện Nhân dân 115	334.785.100	(64.924.000)	701.244.550	-
- Bệnh viện Bình Dân	264.600.000	-	599.892.300	-
- Công ty TNHH Y tế Hồng Phúc	-	-	439.540.500	-
- Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	309.594.000	-	601.117.800	-
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế Quang Trung	841.256.498	-	566.838.000	-
- Bệnh viện Bạch Mai	13.767.600	(7.609.560)	788.977.100	(149.457.810)
- Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	261.299.997	-	610.527.750	-
- Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	1.687.748.228	-	1.590.010.800	-
- Công ty Cổ phần TB VTYT Thanh Hóa	402.255.840	-	1.603.336.950	-
- Công ty Cổ phần SX TM Sun Heath	1.809.731.200	(542.919.360)	1.809.731.200	(542.919.360)
- Công ty Cổ phần TB VTYT và DP Nghệ An	336.271.800	-	2.067.732.991	-
- Công ty Cổ phần VT TB và KHKT	703.233.190	-	903.233.190	(58.002.222)
- Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	93.499.560	-	1.149.418.200	-
- Bệnh viện Nguyễn Trãi	49.896.000	-	2.195.172.000	-
- ALLIANCE GLOVES	545.921.200	(545.921.200)	546.101.400	(192.827.250)
- Ông Nguyễn Thanh Hải	-	-	396.121.608	(396.121.608)
- Bà Nguyễn Mỹ Hương	1.021.805.914	(115.649.655)	-	-
- Bệnh viện Thanh Nhân	1.309.402.500	-	413.343.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bông Sen Vàng	-	-	839.373.980	-
- Bệnh viện Nhi Trung Ương	699.444.172	-	-	-
- Công ty TNHH Kim Pharma	1.120.980.000	-	261.140.200	-
- Đối tượng khác	15.008.330.956	(340.058.887)	14.804.038.854	(379.880.298)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.207.199.852	(1.617.082.662)	35.544.273.673	(1.719.208.548)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	18.375.000	-	58.800.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	18.375.000	-	58.800.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.953.504.251	(51.960.000)	1.010.457.286	(51.960.000)
- Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd	8.610.296.865	-	695.970.340	-
- Cửa hàng Thuận Trí	21.960.000	(21.960.000)	21.960.000	(21.960.000)
- Công ty TNHH SX TMDV Nguyên Khôi	30.000.000	(30.000.000)	30.000.000	(30.000.000)
- Trả trước cho người bán khác ngắn hạn	291.247.386	-	262.526.946	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.953.504.251	(51.960.000)	1.010.457.286	(51.960.000)

8. PHẢI THU VÈ CHO VAY

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.000.000	-	-	-
- Ông Võ Ngọc Hà	15.000.000	-	-	-
Dài hạn	29.000.000	-	15.000.000	-
- Ông Võ Thành Công	-	-	15.000.000	-
- Bà Nguyễn Thụy Bảo Khuyên	29.000.000	-	-	-
Cộng	44.000.000	-	15.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	584.740.710	(4.932.000)	243.667.323	(4.932.000)
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	262.872.314	(4.932.000)	6.840.450	(4.932.000)
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	175.486.794	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	67.000.000	-	-	-
+ Ký quỹ ký cược khác	20.385.520	(4.932.000)	6.840.450	(4.932.000)
- Phải thu khác	321.868.396	-	236.826.873	-
+ Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	157.407.607	-	-	-
+ BV Quân Y 175	63.807.849	-	-	-
+ Bệnh viện Nhi Đồng 1	100.652.940	-	236.826.873	-
Dài hạn	9.000.000	-	251.486.794	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	9.000.000	-	251.486.794	-
+ Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	-	-	67.000.000	-
+ Công ty Cổ phần may Nông nghiệp	9.000.000	-	9.000.000	-
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	-	-	175.486.794	-
Cộng	593.740.710	(4.932.000)	495.154.117	(4.932.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	79.855.000	-	131.826.200	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	30.256.572.865	(7.763.890.377)	40.317.481.032	(7.522.041.993)
Công cụ, dụng cụ	1.840.806.300	-	1.943.814.569	-
Thành phẩm (*)	11.877.652.595	(619.467.595)	16.386.787.351	(627.373.782)
Hàng hoá	-	-	208.609	-
Cộng	44.054.886.760	(8.383.357.972)	58.780.117.761	(8.149.415.775)

(*) Theo tờ trình số 961/23/TTr-MRF ngày 29/12/2023 về việc trích lập dự phòng hàng tồn kho, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm với giá trị 2.143.733.918 đồng. Đồng thời, trong năm Công ty cũng đã hoàn nhập dự phòng do hàng tồn kho đã đóng gói và xuất bán, ghi giảm giá vốn đối với giá trị hoàn nhập dự phòng là 1.898.854.820 đồng và hoàn nhập dự phòng với nguyên vật liệu trong năm 2023 là 10.936.900 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Ngắn hạn	106.276.533	46.451.612
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	66.276.536	-
- Chi phí sửa chữa tài sản	39.999.997	46.451.612
Dài hạn	2.277.426.990	3.424.805.309
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.057.703.868	1.488.082.643
- Chi phí sửa chữa tài sản	132.106.501	369.444.781
- Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý rồi thuê lại	452.921.465	907.194.929
- Quyền sử dụng đất 02 căn hộ 38 Trương Quốc Dung (*)	634.695.156	660.082.956
Cộng	2.383.703.523	3.471.256.921

(*) Quyền sử dụng đất 02 căn hộ chung cư tại tòa nhà 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2023	29.412.560.028	46.166.825.900	1.557.573.637	1.448.561.333	78.585.520.898
- Phân loại lại	-	(32.000.000)	-	32.000.000	-
- Mua sắm TSCĐ	-	556.400.000	-	-	556.400.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	85.864.000	-	-	85.864.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành	-	1.278.811.559	-	-	1.278.811.559
- Thanh lý TSCĐ	-	-	(80.000.000)	-	(80.000.000)
Tại 31/12/2023	29.412.560.028	48.055.901.459	1.477.573.637	1.480.561.333	80.426.596.457
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2023	(22.486.759.383)	(30.405.984.976)	(991.880.824)	(1.110.587.729)	(54.995.212.912)
- Phân loại lại	-	27.991.384	-	(27.991.384)	-
- Khấu hao trong năm	(1.398.927.567)	(3.535.501.707)	(130.438.224)	(85.931.088)	(5.150.798.586)
- Thanh lý TSCĐ	-	-	80.000.000	-	80.000.000
Tại 31/12/2023	(23.885.686.950)	(33.913.495.299)	(1.042.319.048)	(1.224.510.201)	(60.066.011.498)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	6.925.800.645	15.760.840.924	565.692.813	337.973.604	23.590.307.986
Tại 31/12/2023	5.526.873.078	14.142.406.160	435.254.589	256.051.132	20.360.584.959

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 28.609.938.627 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 25.927.197.210 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
Tại 31/12/2023	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2023	(3.679.880.702)	(52.861.000)	(3.732.741.702)
- Khấu hao trong năm	(383.993.796)	-	(383.993.796)
Tại 31/12/2023	(4.063.874.498)	(52.861.000)	(4.116.735.498)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	9.535.905.956	-	9.535.905.956
Tại 31/12/2023	9.151.912.160	-	9.151.912.160

(*) Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Vĩnh Lộc A được Công ty thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0082/SGN.KHDN/LD23 ngày 16/5/2023.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 9.151.912.160 đồng (tại 01/01/2023 là 9.535.905.956 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 52.861.000 đồng (tại 01/01/2023 là 52.861.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
- Nhà 6 tầng 138 Nguyễn Văn Trỗi	64.712.511	64.712.511
- Hệ thống năng lượng mặt trời	1.500.000	-
- Đại tu Dây chuyền sản xuất Găng phễu thuật số 5	-	996.873.920
- Dây chuyền sản xuất Máy găng số 4	29.469.500	-
- Dây chuyền sản xuất Máy găng số 1	120.981.574	-
Cộng	216.663.585	1.061.586.431

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	196.800.000	-	482.671.680	196.800.000	-	442.203.780
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.800.000	-	482.671.680	196.800.000	-	442.203.780
<i>Công ty Cổ phần SAM holdings (*)</i>	<i>196.800.000</i>	<i>-</i>	<i>482.671.680</i>	<i>196.800.000</i>	<i>-</i>	<i>442.203.780</i>
Cộng	196.800.000	-	482.671.680	196.800.000	-	442.203.780

(*) Tại ngày 31/12/2023, Công ty đang nắm giữ 73.578 cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM holdings, chiếm tỷ lệ sở hữu 0,26%. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2023 của cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM holdings có giá trị 6.560 đồng/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2023	8.774.339.702	8.774.339.702
Tại 31/12/2023	<u>8.774.339.702</u>	<u>8.774.339.702</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2023	(1.399.716.095)	(1.399.716.095)
- Khấu hao trong năm	(1.253.477.100)	(1.253.477.100)
Tại 31/12/2023	<u>(2.653.193.195)</u>	<u>(2.653.193.195)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	<u>7.374.623.607</u>	<u>7.374.623.607</u>
Tại 31/12/2023	<u>6.121.146.507</u>	<u>6.121.146.507</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định thuê tài chính dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 6.121.146.507 đồng (tại 01/01/2023 là 7.374.623.607 đồng).

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Ngắn hạn	2.262.426.414	2.467.731.979
- Chi phí hoa hồng chiết khấu	2.172.297.727	2.237.677.779
- Lãi vay dự trả	12.226.475	32.749.587
- Chi phí phải trả khác	77.902.212	197.304.613
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>2.262.426.414</u>	<u>2.467.731.979</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Ngắn hạn	1.309.910.323	958.714.299
- Công Đoàn Công ty CP Merufa	-	2.818.083
- Tài sản thừa chờ xử lý	60.370.133	-
- Tài sản giữ hộ nhà nước	84.686.320	84.686.320
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	591.770.469	354.383.319
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	573.083.401	516.826.577
Dài hạn	12.000.000	252.000.000
- Nhận cầm cố, ký quỹ, ký cược	12.000.000	252.000.000
Cộng	<u>1.321.910.323</u>	<u>1.210.714.299</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.931.763.851	2.931.763.851	3.948.999.625	3.948.999.625
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thiên Anh Thu	-	-	357.721.600	357.721.600
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Giấy Hùng Tuấn	496.992.888	496.992.888	523.263.883	523.263.883
- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	17.518.328	17.518.328	448.429.130	448.429.130
- Công ty TNHH Bao bì Thảo Việt	381.910.205	381.910.205	543.508.741	543.508.741
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	302.737.500	302.737.500	406.485.605	406.485.605
- Công ty Cổ phần Quốc tế An Lộc Phát	36.234.000	36.234.000	103.494.000	103.494.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phương Phong	356.594.700	356.594.700	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	1.339.776.230	1.339.776.230	1.566.096.666	1.566.096.666
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.931.763.851	2.931.763.851	3.948.999.625	3.948.999.625
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	302.737.500	302.737.500	406.485.605	406.485.605
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc (Mua hàng hóa, dịch vụ)	302.737.500	302.737.500	406.485.605	406.485.605
- Công ty Cổ phần Transimex (Mua hàng hóa, dịch vụ)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.399.887.573	140.729.143
- Công ty TNHH Thiết bị & Vật tư Y tế Dongkuk	-	54.055.690
- Công ty TNHH Tư vấn và Phân phối Nam Dao Internationnal	41.945.000	41.945.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phúc Thịnh	3.183.000	17.162.160
- Trung tâm Y tế thị xã Bình Long	15.578.000	15.578.000
- Công ty TNHH TBVT và Hóa chất Hoàng Phương	175.821.200	-
- SJ Corporation	1.067.996.160	-
- Người mua trả tiền trước khác	95.364.213	11.988.293
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	1.399.887.573	140.729.143

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2023 VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Tại 01/01/2023 VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.476.773.306	1.476.773.306	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	536.850.076	1.671.460.840	1.611.735.790	596.575.126
- Thuế thu nhập cá nhân	91.528.486	1.063.984.899	771.387.481	384.125.904
- Thuế xuất nhập khẩu	-	43.483.251	43.483.251	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	79.456.873	79.456.873	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	628.378.562	4.339.159.169	3.986.836.701	980.701.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.691.186.283	13.691.186.283	90.926.900.452	103.731.212.498	26.495.498.329	26.495.498.329
Vay ngắn hạn	11.760.831.548	11.760.831.548	84.497.591.175	95.926.416.428	23.189.656.801	23.189.656.801
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (*)	11.760.831.548	11.760.831.548	84.497.591.175	95.926.416.428	23.189.656.801	23.189.656.801
Vay đến hạn thanh toán	-	-	4.498.954.542	5.698.954.542	1.200.000.000	1.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	-	-	4.498.954.542	5.698.954.542	1.200.000.000	1.200.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.930.354.735	1.930.354.735	1.930.354.735	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (***)	1.930.354.735	1.930.354.735	1.930.354.735	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	6.429.309.277	6.429.309.277	6.429.309.277
Vay dài hạn	-	-	-	4.498.954.542	4.498.954.542	4.498.954.542
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	-	-	-	4.498.954.542	4.498.954.542	4.498.954.542
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	1.930.354.735	1.930.354.735	1.930.354.735
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (***)	-	-	-	1.930.354.735	1.930.354.735	1.930.354.735
Cộng	13.691.186.283	13.691.186.283	90.926.900.452	110.160.521.775	32.924.807.606	32.924.807.606

(*) và (**): Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số 0082/SGN.KHDN/LD23 ngày 16/5/2023. Hạn mức tín dụng là 68.900.000.000 đồng. Trong đó cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

a. Vay ngắn hạn:

- Hạn mức tín dụng ngắn hạn: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay ngắn hạn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay ngắn hạn: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Lãi suất vay ngắn hạn: theo từng lần giải ngân.

b. Vay dài hạn:

- Hạn mức tín dụng dài hạn: 8.900.000.000 đồng;
- Mục đích vay dài hạn: Bổ sung vốn trung dài hạn thực hiện Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất găng kiểm tra;
- Thời hạn vay dài hạn: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Lãi suất vay dài hạn: Cố định trong 2 năm đầu và sau 2 năm thay đổi theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo cho vay ngắn hạn và vay dài hạn bao gồm: Bất động sản bao gồm quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, Tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Theo lịch trả nợ quy định trong hợp đồng, trong năm 2023 Công ty đã thanh toán trước hạn 4.498.954.542 đồng khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn. Do đó, khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn đã được tắt toán trong năm 2023.

(***) Là khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số C211030102 ngày 19/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Merufa và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để thanh toán tiền mua lại tài sản là Dây chuyền nhúng tạo hình găng tay kiểm tra GKT-01 với lãi suất thả nổi, biên độ 2,63% ± lãi suất tiêu chuẩn được áp dụng cách tính lãi suất tiền gửi có cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ của ba Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tiến độ thanh toán khoản nợ thuê tài chính dài hạn (Nợ thuê tài chính Công ty Chailease)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
- Từ 1 năm trở xuống	1.930.354.735	2.105.841.528
- Năm thứ 2	-	1.930.354.735
- Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	-	-
Cộng	1.930.354.735	4.036.196.263
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.930.354.735	2.105.841.528
Cộng	-	1.930.354.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
- Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	16,17%	10.989.000.000	16,16%	5.940.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	15,03%	10.211.650.000	13,94%	5.125.000.000
- Bà Trần Nguyễn Thanh Mai	10,63%	7.224.250.000	10,62%	3.905.000.000
- Ông Lâm Quốc Trung	6,59%	4.479.400.000	6,59%	2.421.300.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Việt	5,07%	3.442.700.000	4,69%	1.722.000.000
- Ông Vũ Văn Minh	4,04%	2.747.250.000	4,04%	1.485.000.000
- Ông Lưu Tiến Cào	0,30%	206.040.000	0,30%	111.380.000
- Ông Bùi Minh Tuấn	0,62%	419.660.000	0,62%	226.850.000
- Ông Hoàng Hữu Phước	0,15%	101.750.000	0,15%	55.000.000
- Các cổ đông khác	41,35%	28.102.020.000	42,78%	15.724.510.000
- Cổ phiếu quỹ	0,06%	38.000.000	0,10%	38.000.000
Cộng	100,0%	67.961.720.000	100,0%	36.754.040.000

- Theo Nghị quyết 174/23/NQ-HĐQT ngày 16/10/2023 triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Theo Công văn số 8254/UBCK-QLCB ngày 24/11/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 11/12/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 1296/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch bổ sung do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.120.768 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty là 6.796.172 cổ phiếu tương đương giá trị 67.961.720.000 đồng.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11, ngày 10/01/2024 xác nhận số vốn điều lệ của Công ty là 67.961.720.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2022	36.754.040.000	1.252.024.500	1.894.379.103	(38.000.000)	23.176.148.641	31.459.087.138	94.497.679.382
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.665.989.275	12.665.989.275
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(11.014.812.000)	(11.014.812.000)
- Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	9.871.453.712	(9.871.453.712)	-
- Trích quỹ HĐQT trong năm	-	-	740.359.029	-	-	(740.359.029)	-
- Tăng/(giảm) khác	-	-	(835.173.000)	-	-	(2.100.146.090)	(2.935.319.090)
Tại 31/12/2022	36.754.040.000	1.252.024.500	1.799.565.132	(38.000.000)	33.047.602.353	20.398.305.582	93.213.537.567
Tại 01/01/2023	36.754.040.000	1.252.024.500	1.799.565.132	(38.000.000)	33.047.602.353	20.398.305.582	93.213.537.567
- Tăng vốn trong năm	31.207.680.000	(1.252.024.500)	-	-	(24.448.255.500)	(5.507.400.000)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.407.724.184	5.407.724.184
- Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(11.014.812.000)	(11.014.812.000)
- Trích quỹ trong năm (*)	-	-	-	-	2.233.634.937	(2.233.634.937)	-
- Trích quỹ HĐQT trong năm (*)	-	-	446.726.987	-	-	(446.726.987)	-
- Tăng/(giảm) khác	-	-	(1.068.652.764)	-	-	(2.857.143)	(1.071.509.907)
Tại 31/12/2023	67.961.720.000	-	1.177.639.355	(38.000.000)	10.832.981.790	6.600.598.699	86.534.939.844

(*) Theo Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 số 154/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2023 và theo Nghị quyết số 155/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 của ĐHCĐ thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Merufa, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân chia lợi nhuận còn lại đến 31/12/2022 như sau: Trả cổ tức bằng cổ phiếu mức 15% vốn tương đương với 5.507.406.000 đồng; Chia cổ tức bằng tiền là 11.014.812.000 đồng (tương đương mức 30% vốn góp); Trích lập các quỹ 18% Lợi nhuận sau thuế, trong đó: Trích quỹ đầu tư phát triển 2.233.634.937 đồng và trích quỹ Hội đồng quản trị là 446.726.987 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022 (trình bày lại)
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	36.754.040.000	36.754.040.000
- Vốn góp tăng trong năm	31.207.680.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	67.961.720.000	36.754.040.000
Lợi nhuận đã phân phối trong năm	11.014.812.000	11.014.812.000

23.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	6.796.172	3.675.404
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	6.796.172	3.675.404
+ Cổ phiếu thường	6.796.172	3.675.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.800	3.800
+ Cổ phiếu thường	3.800	3.800
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.792.372	3.671.604
+ Cổ phiếu thường	6.792.372	3.671.604
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

23.5 CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.832.981.790	33.047.602.353
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.177.639.355	1.799.565.132
- Quỹ hỗ trợ kinh doanh	664.223.601	1.021.044.883
- Quỹ chính sách xã hội	513.415.754	612.306.849
- Quỹ Hội đồng quản trị	-	166.213.400
Cộng	12.010.621.145	34.847.167.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tại 31/12/2023	Đơn vị gửi vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ
- Thành phẩm đã bán cho khách hàng			
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 6.5 (STDM 185)	Đôi	1.600	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự
+ Găng phẫu thuật A size 6.5 (size XS)	Đôi	11.500	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự
+ Găng phẫu thuật A size 7.0 (size S)	Đôi	71.500	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng không bột số 7.0 SC (240) Peeldown (NK)	Đôi	4.800	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng không bột số 7.5 SS (240) Peeldown	Đôi	4.800	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	343.500	Bệnh viện Bình Tân
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	160.000	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng phẫu thuật tiết trùng số 7.5 SS Peeldown	Đôi	37.400	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng phẫu thuật tiết trùng số 7.0 Peeldown	Đôi	40.400	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng phẫu thuật tiết trùng số 6.5 Peeldown	Đôi	2.400	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng phẫu thuật tiết trùng số 6.5 Peeldown	Đôi	400	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 8,0 SC (220)	Đôi	300	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 8 SS (220)	Đôi	1.800	Bệnh viện Chấn thương Chính hình
+ Bao cao su BUSS, ko hộp, không mùi, size 52	Cái	110.000	Công ty Thiết bị Y tế MIVURO
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7.5 SS (220)	Đôi	1.200	Công ty Cổ phần Công nghệ Tây Bắc Á
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 TC (220)	Đôi	12.000	Công ty Cổ phần Công nghệ Tây Bắc Á
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 6.5 (STDM 185)	Đôi	106.000	Công ty Kim Pharma
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 (STDM 185)	Đôi	64.000	Công ty Kim Pharma
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	30.000	Công ty Phương Nam
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0)	Đôi	30.000	Công ty Phương Nam
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 6.5 (STDM 185)	Đôi	4.400	Công ty Phương Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

a) Tài sản nhận giữ hộ (Tiếp)

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tại 31/12/2023	Đơn vị gửi vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ
- Thành phẩm đã bán cho khách hàng			
+ Bao cao su OKAMEN mùi dâu size 52	Cái	28.800	Công ty TBYT Việt Đức
+ Bao cao su AVITA không mùi, hộp 10, size 52	Cái	112.320	Công ty TBYT Việt Đức
+ Bao cao su OKAMEN Ko mùi size 52	Cái	69.120	Công ty TBYT Việt Đức
+ Bao cao su OKAMEN mùi bạc hà size 52	Cái	60.480	Công ty TBYT Việt Đức
+ Bao cao su FREMEN không mùi, hộp 10, size 52	Cái	51.120	Công ty TBYT Việt Đức
+ Bao cao su Rocmen không mùi, hộp 3, size 52	Cái	37.440	Công ty TBYT Việt Đức
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	65.000	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0)	Đôi	105.000	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng y tế size M (số 7.5) (MRF)	Đôi	50.000	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 (STDM 185)	Đôi	78.100	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7.5 (STDM 185)	Đôi	42.000	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 (STDM 185)	Đôi	23.200	Công ty TNHH TBYT Đức Ân
+ Gel bôi trơn MRF Lube 82g	Tuýp	853	Công ty TNHH TBYT Đức Ân
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7.5 (STDM 185)	Đôi	9.200	Công ty TNHH TBYT Đức Ân
- Tài sản cố định của Công ty Big Lis Industrial Co., Ltd nhận giữ hộ:	USD	9.600	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

b) Ngoại tệ các loại

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	VND tương đương	Nguyên tệ (USD)	VND tương đương	Nguyên tệ (USD)
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	429.510.153	17.859,05	34.542.871	1.455,66
Tỷ giá quy đổi	24.050,00		23.730,04	

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	137.871.544.526	200.658.188.418
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>	4.752.316.800	15.966.855.200
- Doanh thu cho thuê tài sản và gia công	1.605.082.728	1.650.454.547
Cộng	139.476.627.254	202.308.642.965
b. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	23.982.000	-
Cộng	23.982.000	-
Tổng cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.452.645.254	202.308.642.965

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng bán	109.433.233.970	157.154.122.980
Giá vốn dịch vụ	76.164.660	76.164.660
Giá vốn hàng đã trích lập dự phòng	4.334.565.607	862.717.613
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.143.733.918	5.443.685.248
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(1.909.791.720)	(362.870.979)
Cộng	114.077.906.435	163.173.819.522

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.865.161	4.867.606
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	213.201.725
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.194.849	9.267.753
Cộng	5.060.010	227.337.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	1.985.426.427	2.939.285.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.627.400	52.513.621
Cộng	1.999.053.827	2.991.799.349

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.076.048.517	2.835.621.522
- Chi phí vật liệu, bao bì	66.294.053	42.613.767
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.538.586	40.236.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	34.854.948	34.854.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.157.641	3.017.177.621
- Chi phí bằng tiền khác	1.175.505.728	1.520.733.962
Cộng	5.857.399.473	7.491.238.184

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	5.100.704.823	6.435.711.471
- Chi phí vật liệu quản lý	198.903.094	314.172.547
- Chi phí đồ dùng văn phòng	83.215.624	195.558.050
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.237.566.887	1.032.885.967
- Thuế, phí và lệ phí	80.184.781	190.665.071
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(375.514.820)	(404.428.574)
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	669.510.542	1.332.393.352
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.701.429.275	2.787.520.476
- Chi phí bằng tiền khác	901.058.396	1.135.549.680
Cộng	9.597.058.602	13.020.028.040

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi từ thanh lý vật tư	81.379.091	-
Lãi từ thanh lý TSCĐ	15.000.000	417.931.382
Xử lý nhập lại kho do khách hàng gửi nhưng không lấy hàng	-	450.360.000
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	-	564.400.000
Các khoản thu nhập khác	17.200.418	72.089.393
Cộng	113.579.509	1.504.780.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí khấu hao tài sản ngừng hoạt động	662.644.438	861.015.856
Chi phí phân bổ trong thời gian ngừng sản xuất	341.116.669	313.709.407
Phạt vi phạm hành chính, bồi thường	192.441	3.500.000
Lỗi từ thanh lý Tài sản cố định	-	7.354.239
Các khoản chi phí khác	18.738.628	48.087.795
Cộng	1.022.692.176	1.233.667.297

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.017.174.260	16.130.208.432
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập tính thuế	1.030.076.119	1.190.887.353
- Chi phí khấu hao TSCĐ trong thời gian tạm ngừng sản xuất	662.644.438	861.015.856
- Chi phí phân bổ trong thời gian ngừng sản xuất và QSDĐ của hai căn hộ	341.116.669	311.593.757
- Phạt vi phạm hành chính	192.441	3.540.001
- Chi phí không được trừ khác	18.049.667	47.296.987
- (Lãi)/Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm nay	(1.194.849)	(9.267.753)
- Lãi/(Lỗi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm trước	9.267.753	(23.291.495)
Tổng thu nhập tính thuế	8.047.250.379	17.321.095.785
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.609.450.076	3.464.219.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	5.407.724.184	12.665.989.275
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.407.724.184	12.665.989.275
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.792.372	6.792.372
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	796	1.865

(*) Theo quy định, việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phải loại trừ số trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, tuy nhiên do các quỹ này thường được trích vào năm sau và tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội cổ đông Công ty thông qua vào năm tiếp theo. Vì vậy, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm chưa trình bày ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	5.407.724.184	12.665.989.275
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.407.724.184	12.665.989.275
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.792.372	6.792.372
Số cổ phiếu Công ty dự định phát hành	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	796	1.865

Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.120.768 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty là 6.796.172 cổ phiếu tương đương giá trị 67.961.720.000 đồng.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	25.193.186.276	31.679.956.023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.248.160.666	126.041.763.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.125.625.044	5.596.060.299
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	527.937.919	6.628.779.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.330.433.681	12.544.853.461
Chi phí bằng tiền khác	2.651.175.432	3.061.838.804
Cộng	120.076.519.018	185.553.251.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	Công ty có cùng người là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Transimex	Công ty có cùng thành viên HĐQT là ông Bùi Minh Tuấn
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	Giám đốc Công ty này là cổ đông của Công ty
- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	Phó Tổng Giám đốc Công ty này là Trưởng ban kiểm soát của Công ty

<u>Giao dịch với các bên liên quan:</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm		
- Bán hàng hóa, dịch vụ	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản		
- Bán hàng hóa, dịch vụ	172.935.000	260.000.000
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	1.436.706.843	2.516.003.860
Công ty Cổ phần Transimex		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	256.866.093	421.396.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan:</u>	<u>Tại 31/12/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản		
- Phải thu khách hàng	18.375.000	58.800.000
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc		
- Phải trả nhà cung cấp	302.737.500	406.485.605
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị	543.000.000	731.500.000
Trong đó:		
+ Ông Vũ Văn Minh	159.000.000	201.000.000
+ Ông Lưu Tiến Cảo	96.000.000	130.500.000
+ Ông Bùi Minh Tuấn	96.000.000	125.500.000
+ Ông Hoàng Minh Dũng	96.000.000	102.000.000
+ Ông Vũ Chinh	96.000.000	102.000.000
+ Ông Phạm Xuân Mai	-	23.500.000
+ Ông Phạm Kim Hải	-	23.500.000
+ Bà Trần Thị Thanh Thúy	-	23.500.000
- Thu nhập của Ban Kiểm soát	209.600.000	270.700.000
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thu nhập của Ban Quản lý dự án	-	90.380.000
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.630.257.835	2.273.219.861
Trong đó		
+ Ông Lưu Tiến Cảo	643.195.226	950.133.765
+ Ông Hoàng Hữu Phước	511.628.100	641.593.104
+ Bà Lê Vĩnh San San	475.434.508	681.492.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Như trình bày tại thuyết minh số 34, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.120.768 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty là 6.796.172 cổ phiếu tương đương giá trị 67.961.720.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được trình bày lại như sau:

<i>Chỉ tiêu báo cáo kết quả kinh doanh</i>	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2022 (đã kiểm toán) VND/ cổ phiếu</i>	<i>Năm 2022 (trình bày lại) VND/ cổ phiếu</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.345	1.865
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.865	1.865

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Vinh San San

Lê Vinh San San

Lưu Tiến Cao



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 204/24/TT-DHĐCD

Tp.Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v phân phối lợi nhuận năm 2023”

Kính gửi: - Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 154/BB-DHĐCD ngày 22/4/2023;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 155/NQ-DHĐCD ngày 22/4/2023;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Đv tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (I+2)	6,600,598,699
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCDKT)	1,192,874,515
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCDKT)	5,407,724,184
II	Phân phối lợi nhuận (I+2)	5,405,131,605
1	Chi cổ tức năm 2023 (6,5% x VCP) [67.923.720.000 x 6,5%]	4,415,041,800
2	Trích lập các quỹ:	990,089,805
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (15% x LNST)	990,089,805
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,195,467,094

Ghi chú: - Vốn cổ phần (VCP) là 67.961.720.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 67.923.720.000 đồng (6.792.372 cổ phiếu).

- Chi cổ tức năm 2023 (6,5% x VCP) [67.923.720.000 x 6,5%] tương ứng khoảng (12% x VCP) [36.716.040.000 x 12%] của Vốn điều lệ cũ trước khi tăng vốn trong năm 2023

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua

Trân trọng cảm ơn.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số 05/24/TT-DHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH
“V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024”

Kính gửi: - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2024.

Dv tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	6,795,467,094
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2023 (MS 421a – BCDKT)	1,195,467,094
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (MS 421b – BCDKT)	5,600,000,000
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,366,252,438
1	Chi cổ tức năm 2024 (7% x VCP) [67.923.720.000 x 7%]	4,754,660,400
2	Trích lập các quỹ:	611,592,038
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (9% x LNST)	611,592,038
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2024 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,429,214,656

Ghi chú: Vốn cổ phần (VCP) là 67.961.720.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 67.923.720.000 đồng (6.792.372 cổ phiếu).

Kính trình Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 02/BC_BKS/MRF/2024

Tp.Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN Thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính năm 2024

- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;

Việc lựa chọn Công ty kiểm toán do Đại hội đồng thường niên quyết định và cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức.
- Trung thực và đề cao đạo đức nghề nghiệp, có uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm cũng như sự tin tưởng của người đọc báo cáo tài chính.
- Tư vấn, hỗ trợ MERUFA trong việc hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công việc hạch toán kế toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

Theo tiêu chuẩn ở trên nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, Ban kiểm soát kính trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán sau, để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

- 1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Địa chỉ: Tòa nhà Galaxy, 02 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM
SĐT: 028.35472972
- 2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Q.4, Tp.HCM
SĐT: 028.39450606/0505
- 3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa kảo, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 02838275026
- 4) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - CN tại Tp.HCM
Địa chỉ: 63b Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 028.34999222

Kính trình đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Cổ đông (thông qua đại hội);
- Hội đồng quản trị;
- Các thành viên Ban Kiểm soát.





SINCE 1987

Số: 07/TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch (UPCoM) sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 155/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa đang được giao dịch trên hệ thống UPCoM với mã chứng khoán MRF. Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tại “Điều 4: Thông qua tờ trình số 150/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.” Nhưng sau khi xem xét tại cuộc họp HĐQT lần thứ 17, Nhiệm kỳ V (2021-2026) số 189/24/NQ-HĐQT ngày 16/01/2024, HĐQT đề nghị được ngưng việc chuyển sàn từ sàn Upcom sang sàn HNX.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

Số: 008/TT-ĐHDCD

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (gọi tắt là: Thông tư 96);
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Merufa;

Nay Công ty CP Merufa xin trình lên Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc thông qua các giao dịch giữa Công Ty với các bên có liên quan của người nội bộ theo danh sách như sau:

Điều 1: Đối tượng ký kết:

STT	Tên Công ty	Người nội bộ/liên quan	Chức vụ
1.	Công ty TNHH TBYT Minh Tâm	Vũ Văn Minh	Giám đốc
2.	Công ty CP Giấy Việt	Vũ Văn Minh	Giám đốc
3.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Vũ Chinh	Chủ tịch HĐQT
4.	Công ty CP VINAFREIGHT	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT
5.	Tổng Công ty TBYT Việt Nam (VINAMED)	Hoàng Minh Dũng	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
6.	CTCP Đầu tư Vina	Bùi Minh Tuấn	Giám đốc
7.	CTCP Transimex (TMS)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
		Vũ Chinh	Thành viên ban kiểm soát
8.	CTCP XNK và ĐT Chợ Lớn (CLX)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
9.	CTCP Vinaprint (VPR)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
10.	CTCP Vinaprint (VPR)	Nguyễn Kim Hậu	Quyền Tổng Giám đốc
11.	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận (PNG)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
		Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS
12.	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (GMC)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
13.	CTCP Thủy Đặc Sản	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
14.	CTCP Dịch Vụ Bến Thành - BSC	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT



Nội dung ký kết các hợp đồng, giao dịch bao gồm: *Hợp đồng mua bán, giao dịch, dịch vụ,...* và các *hợp đồng có phát sinh lợi ích* theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Điều 2: Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thông qua chủ trương, quyết định ký kết hợp đồng giao dịch với các đơn vị có liên quan trên, với hạn mức không quá **4.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Bốn tỷ đồng chẵn*).

**Đề nghị ĐHĐCĐ công ty xem xét và thông qua.
Trân trọng./.**

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu TK HĐQT, VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
VŨ VĂN MINH





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 009./24/TT-DHĐCD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo chia thưởng năm 2023
(vào dịp tết nguyên đán năm 2024)”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích thưởng chia thưởng năm 2023 (vào dịp tết nguyên đán năm 2024) cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thư ký HĐQT số tiền: 138.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn./.).

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH TIỀN
1	Vũ Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	15,000,000
2	Bùi Minh Tuấn	TV HĐQT	15,000,000
3	Vũ Chính	TV HĐQT	15,000,000
4	Hoàng Minh Dũng	TV HĐQT	15,000,000
5	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban Kiểm soát	15,000,000
6	Trương Thị Thanh Thủy	TV BKS	10,000,000
7	Lê Minh Tuấn	TV BKS	10,000,000
8	Lưu Tiến Cáo	TV HĐQT- Kiểm TGD	15,000,000
9	Hoàng Hữu Phước	PHÓ TGD	10,000,000
10	Lê Vĩnh San San	KTT	10,000,000
11	K' Huệ	PT quản trị kiêm Thư ký HĐQT	8,000,000
TỔNG CỘNG			138,000,000

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ks. VŨ VĂN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3765 5031 – 3765 4160 Fax: (84.28) 3765 4161
Email: merufa@merufa.vn Web: <http://www.merufa.com.vn>;
ISO 13485:2016 và ISO 9001:2015



Số: *MM*.../NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA;
- Căn cứ vào biên bản họp Số:/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần MERUFA ngày 20/04/2024;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần MERUFA được tổ chức tại văn phòng khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh vào ngày 20/04/2024 với cổ đông và người ủy quyền dự họp, đại diện cho cổ phần bằng % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024, trong đó Doanh thu là: 133 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 7 tỷ đồng);
- 1.2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;
- 1.3. Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- 1.4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.
- 1.5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn thặng dư và quỹ phát triển sản xuất của Chủ sở hữu và chuyển nhượng giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.

Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 2.1. Tờ trình thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban TGD;
- 2.2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán;
- 2.3. Tờ trình phân phối lợi nhuận 2023: chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ% bằng tiền mặt.

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	6,600,598,699	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCĐKT)	1,192,874,515	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCĐKT)	5,407,724,184	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,405,131,605	
1	Chi cổ tức năm 2023 (12% x VCP) [36.716.040.000 x 12%]	4,415,041,800	
2	Trích lập các quỹ:	990,089,805	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	-	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (15% x LNST)	990,089,805	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,195,467,094	



2.4. Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	6,795,467,094	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2023 (MS 421a – BCĐKT)	1,195,467,094	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (MS 421b – BCĐKT)	5,600,000,000	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,366,252,438	
1	Chi cổ tức năm 2024 (7% x VCP) [67.923.720.000 x 7%]	4,754,660,400	
2	Trích lập các quỹ:	611,592,038	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	-	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (9% x LNST)	611,592,038	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2024 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,429,214,656	

2.5. Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;

2.6. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc “Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024”, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện.

Điều 3: Thông qua tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024 về ngưng chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.

Điều 4: Thông qua tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024 thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số .../TT-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024 thông qua Báo cáo chia thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023.

Điều 6: Đại hội đồng cổ đông thông nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.

Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận :

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP HCM, CBTT
- Các thành viên HĐQT.
- Ban Kiểm soát.
- Ban TGD.
- Lưu thư ký HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
Số: 10./24/BB-DHĐCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2024



BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. Công ty cổ phần MERUFA:

- Địa chỉ trụ sở chính: 38 Trương Quốc Dung, P.8, Q. Phú Nhuận, TPHCM
Nhà xưởng, văn phòng: C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TPHCM
- Hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0300478598 do Phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 01 năm 2023.

II. Thời gian và địa điểm đại hội:

- Khai mạc lúc 8h30 ngày 22 tháng 04 năm 2024.
- Địa điểm: tại Văn phòng Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc (Hội Trường, lầu 5)

Số A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

III. Thành phần tham dự đại hội gồm:

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, các cổ đông và người được ủy quyền:

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.
- Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Thúy – Ông Hoàng Minh Dũng Thành viên HĐQT ủy quyền tham dự đại hội
- Ông Vũ Chính – Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Trương Thị Thanh Thúy – Thành viên Kiểm soát
- Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên ban Kiểm soát

Cùng toàn thể cổ đông có mặt tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024

Các nội dung diễn ra khi khai mạc đại hội:

- Ks. Hoàng Hữu Phước Phó Tổng Giám đốc khai mạc và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.
- Cn. Vũ Ngọc Khang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên 2024, công bố kết quả kiểm tra tư cách đại biểu

✓ Tổng số cổ phần (CP) theo điều lệ Công ty:	6.796.172	CP	
Trong đó:	- Số CP quỹ:	3.800	CP
	- Số CP có quyền biểu quyết:		CP
✓ Tổng số cổ đông và đại biểu tham dự Đại hội:		người	
- Đại diện cho:		CP có quyền biểu quyết	
- Đạt tỷ lệ:		%	

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu ĐHĐCĐ thường niên 2024, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành đại hội ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP MERUFA năm 2024 (có Biên bản đính kèm).

Ghi chú:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10h00, tổng số cổ đông tham dự là... người, đại diện cho ... CP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ % (có Biên bản đính kèm).

3. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội, như sau:

3.1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
- Ông Lưu Tiến Cảo – Thành viên HĐQT kiêm TGD.

3.2. Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu:

- Ông Vũ Ngọc Khang – Tổ trưởng.
- Ông Phạm Cao Thái – Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Phương – Thành Viên
- Bà Phan Thị Sương – Thành Viên

3.3. Ban Thư ký:

- Bà K' Huệ – Tổ trưởng.
- Bà Lê Thị Hương – Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% tán thành thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội.

4. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (có văn bản đính kèm).

Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Chương trình Đại hội.

5. Cn. Lưu Tiến Cảo - Thành viên HĐQT đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (có văn bản đính kèm)

Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 .

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2023, các kế hoạch và định hướng năm 2024 (đính kèm Báo cáo số .../BC-HĐQT, ngày .../03/2024 của HĐQT);
2. Ông Lưu Tiến Cảo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc Báo cáo tài chính năm 2023 (báo cáo đã kiểm toán) (có Báo cáo đính kèm);
3. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng Ban Kiểm soát: Đọc Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát. (đính kèm Báo cáo số 01/BC_BKS/MRF/2024 ngày .../03/2024 của Ban Kiểm soát);
4. Ông Vũ Văn Minh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đọc Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 của HĐQT ;

- Ông Lưu Tiến Cảo - Thành viên HĐQT đọc Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sà giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX

B. THÔNG QUA BÁO CÁO VÀ CÁC TỜ TRÌNH

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)
- Ông Lưu Tiến Cảo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)
- Ông Vũ Văn Minh – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2023 (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)
- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch 2024 và phân phối lợi nhuận 2024 (đính kèm tờ trình số 180/TT-ĐHĐCD ngày 25/03/2024)
- Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban kiểm soát: Đọc tờ trình của Ban kiểm soát về thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 số .../TT-BKS và tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024 (đính kèm tờ trình số .../BC_BKS/MRF/2024 ngày .../03/2024 của Ban Kiểm soát)
- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Tờ trình ngưng việc chuyển sà từ sà giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch (UPCOM) sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)
- Ông Lưu Tiến Cảo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc đọc Tờ trình số 152/TT-ĐHĐCD ngày .../03/2023 thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)
- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: đọc tờ trình về qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2023 (đính kèm tờ trình số .../TT-ĐHĐCD ngày .../03/2024)

A. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀ THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Về kế hoạch kinh doanh năm 2024

Ý kiến của ông -:

...

Ý kiến của -:

.

B. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo tại Đại hội, bao gồm:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10h00, tổng số cổ đông tham dự là người, đại diện choCP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ % (có Biên bản đính kèm).

Trong đó số phiếu thu về là phiếu đại diện cho CP chiếm tỷ lệ 100% trong đó:

- Số phiếu hợp lệ là 0 phiếu đại diện cho 0 CP chiếm tỷ lệ 0,00 %;
- Số phiếu không hợp lệ là 0 phiếu đại diện cho 0 cổ phiếu tỷ lệ 0.00 %.

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2023, các kế hoạch và định hướng năm 2024 (trong đó Doanh thu là: 133 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 7 tỷ đồng) với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
2. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
3. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát, với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
4. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sản theo tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày ngày .../03/2024 với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
6. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội của Hội đồng quản trị bao gồm:
- 6.1 – Tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
- 6.2 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán với tỷ lệ như sau:
- Tổng số phiếu tán thành: ... CP, đạt tỷ lệ: ... %
 - Tổng số phiếu không tán thành: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
 - Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 CP, đạt tỷ lệ: 0,00 %
- 6.3 - Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023. *ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:*

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	6,600,598,699	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCDKT)	1,192,874,515	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCDKT)	5,407,724,184	

II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,405,131,605	
1	Chi cổ tức năm 2023 (12% x VCP) [36.716.040.000 x 12%]	4,415,041,800	
2	Trích lập các quỹ:	990,089,805	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	-	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (15% x LNST)	990,089,805	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,195,467,094	

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

-	Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
-	Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
-	Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.4 - Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2024 được ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền HDQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	6,795,467,094	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2023 (MS 421a – BCĐKT)	1,195,467,094	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (MS 421b – BCĐKT)	5,600,000,000	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,366,252,438	
1	Chi cổ tức năm 2024 (7% x VCP) [67.923.720.000 x 7%]	4,754,660,400	
2	Trích lập các quỹ:	611,592,038	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x LNST)	-	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (9% x LNST)	611,592,038	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2024 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,429,214,656	

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.5 - Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024; Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện:

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.6 - Tờ trình về ngưng chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX với tỷ lệ .../TT-DHDCĐ ngày .../04/2024 như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.7 - Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan với tỷ lệ, trong đó cập nhật lại danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ là như sau:

Tài liệu trong Đại hội

STT	Tên Công ty	Người nội bộ/liên quan	Chức vụ
1.	Công ty TNHH TBYT Minh Tâm	Vũ Văn Minh	Giám đốc
2.	Công ty CP Giấy Việt	Vũ Văn Minh	Giám đốc
3.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Vũ Chính	Chủ tịch HĐQT
4.	Công ty CP VINAFREIGHT (VNF)	Vũ Chính	Thành viên HĐQT
5.	Tổng Công ty TBYT Việt Nam (VINAMED)	Hoàng Minh Dũng	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
6.	CTCP Đầu tư Vina	Bùi Minh Tuấn	Giám đốc
7.	CTCP Transimex (TMS)	Bùi Minh Tuấn Vũ Chính	Thành viên HĐQT Thành viên ban kiểm soát
8.	CTCP XNK và ĐT Chợ Lớn (CLX)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
9.	CTCP Vinaprint (VPR)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
10.	CTCP Vinaprint (VPR)	Nguyễn Kim Hậu	Quyền Tổng Giám đốc
11.	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận (PNG)	Bùi Minh Tuấn Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT Thành viên BKS
12.	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (GMC)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
13.	CTCP Thủy Đặc Sản	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
14.	CTCP Dịch Vụ Bến Thành - BSC	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.8 - Trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2024 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	... %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà K' Huệ thay mặt Ban Thư ký đọc Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua, như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	...	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %
- Tổng số phiếu không tán thành:	0,00	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

2. Ks. Hoàng Hữu Phước - PTGD, thay mặt Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024. Đại hội kết thúc hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Công bố thông tin theo quy định
- Các thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- P.Tài vụ
- Lưu thư ký HĐQT
- Lưu Văn thư Cty

TM.BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA

Ông Vũ Văn Minh

